

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 -10-2021.

V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tuấn Minh và bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 26/2021/TB-TA ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thùy A, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ tạm trú: Số nhà 102, tập thể Đ, ngõ 221 T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh Ngô Văn N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 2, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt anh N; chị A vắng mặt có lý do và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy A trình bày:

Chị và anh Ngô Văn N kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 06/5/2011 tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Việc cưới hỏi được gia

đình hai bên tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N hay tụ tập bạn bè rượu chè, không có trách nhiệm với con cái và gia đình, mỗi lần uống rượu về là gây sự, đánh đập vợ con, không chịu làm, dong chơi, về thì hỏi tiền bạc, đánh đập. Do mâu thuẫn sâu sắc không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị xin được ly hôn với anh Ngô Văn Ng.

* Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Ngô Văn N có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị A khai là đúng. Sau kết hôn, vợ chồng anh chị sống riêng, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, ngoài ra còn do vợ chồng bất đồng trong chuyện làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh cũng các định tình cảm vợ chồng không còn nên chị A xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung duy nhất là cháu Ngô Quốc H (con trai), sinh ngày 14/12/2011. Hiện nay cháu H đang do anh N nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị A xin được nuôi con chung còn nếu anh N mà cương quyết nhận nuôi con chung thì chị cũng đồng ý và chị sẽ hỗ trợ việc nuôi con cho anh N là 1.000.000đ; Anh N cũng xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về con nuôi: Vợ chồng thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

Về con riêng: Vợ chồng thống nhất chị A có một con riêng nhưng không liên quan đến anh N nên không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, cháu Ngô Quốc H có nguyện vọng: Việc mâu thuẫn và ly hôn của bố mẹ cháu không biết, cháu chỉ biết mấy năm nay cháu ở với bố, được bố chăm sóc và đưa cháu đi học, còn mẹ cháu ở đâu cháu không biết. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố Ngô Văn N.

* Quan điểm của UBND phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam: Nay chị Trần Thị Thùy A khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Văn N tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà hôm nay: Anh Ngô Văn N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Cụ thể: Anh nhất trí ly hôn với chị A, về con chung anh xin nuôi và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, các vấn đề khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử giải thích về việc chị A

tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh N kiên quyết không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy A và anh Ngô Văn N.

+ Về con chung: Giao anh Ngô Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Ngô Quốc H (con trai), sinh ngày 14/12/2011. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Con nuôi, con riêng: Chị A và anh Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị A và anh N thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Ngô Văn N có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Số nhà 1, tổ 2, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án

“Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Trần Thị Thùy A và anh Ngô Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Tòa án đã tiến tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa nhưng chị Trần Thị Thùy A vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Thùy A và anh Ngô Văn N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2011 tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau kết hôn, vợ chồng anh chị đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và có một con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn mà hai bên đưa ra là hoàn toàn khác nhau, nhưng thực tế vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chính thức sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay là có thật được hai bên công khai thừa nhận. Thực tế cho thấy chị A xin ly hôn thì anh N cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị A và anh N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của chị A và anh N.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung duy nhất là cháu Ngô Quốc H (con trai), sinh ngày 14/12/2011. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của hai bên, HĐXX thấy rằng: Nguyên vọng xin nuôi con chung của hai bên là chính đáng. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân (năm 2016) đến nay, cháu H do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tình cảm bố con gắn bó, thân thiết. Cuộc sống của hai bố con duy trì được sự ổn định dù trong gia đình thiếu vắng bàn tay của người mẹ. Mặt khác, cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với anh N khi bố mẹ ly hôn. Do đó HĐXX thấy: cần giao cháu H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị A tự nguyện xin hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ cùng anh N nhưng anh N không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh N là người có khả năng lao động, có công việc và thu nhập ổn định đủ đảm bảo nuôi con chung và anh cũng không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy HĐXX chấp nhận quan điểm của anh N về việc chị A không phải

cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N. Quyền và nghĩa vụ đối với con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Con nuôi, con riêng: Chị A và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị A và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A và anh N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy A và anh Ngô Văn N.

[2] Về con chung: Giao anh Ngô Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Ngô Quốc H (con trai), sinh ngày 14/12/2011. Chị Trần Thị Thùy A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ngô Văn N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về con nuôi, con riêng: Chị A và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị A và anh N thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy A và anh Ngô Văn N, mỗi bên phải nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Trần Thị Thùy A được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004814 ngày 18/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị A được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Anh N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường M, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Mai Oanh